TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 78/2024/DS-GĐT
Ngày: 30/9/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Phiên toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có 11/13*** thành viên tham gia xét xử, do ông Đặng Kim Nhân làm Chủ tọa phiên tòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Phạm Thị Thu Ba - Thẩm tra viên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, giữa:

Nguyên đơn: vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị L; địa chỉ: khu phố D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị C; địa chỉ: khu phố D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Phi H1 (con ông H, bà C); địa chỉ: khu phố D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** *Tại Đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị L trình bày:*

Vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị C nhiều lần vay Ông Bà tổng số tiền 2.635.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 25/9/2015 (AL) vay 100.000.000 đồng; ngày 24/12/2016 (AL) vay 100.000.000 đồng; ngày 27/6/2018 (AL) vay 1.420.000.000 đồng; ngày 12/7/2019 (AL) vay 390.000.000 đồng; ngày 14/8/2020 (AL) vay 125.000.000 đồng và cùng ngày vay thêm 500.000.000 đồng để trả nợ Quỹ tín dụng; các lần vay đều viết Giấy mượn tiền mục đích vay ghi làm kinh tế gia đình, để làm tin, ông H, bà C giao cho Ông Bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Bà nhiều lần yêu cầu ông H, bà C trả lại tiền vay, nhưng ông H, bà C không trả nên nay Ông Bà khởi kiện yêu cầu ông H, bà C trả Ông Bà tổng cộng 2.635.000.000 đồng tiền vay gốc và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận 0,9%/tháng.

Đối với trình bày của ông H, bà C cho rằng khoản vay 500.000.000 đồng ngày 14/8/2020 (AL) là tiền Ông Bà đặt cọc mua đất của ông H, bà C là không đúng

vì số tiền này ông H mượn của Ông B nộp vào Quỹ tín dụng giải chấp lấy Giấy chứng quyền sử dụng đất đang thế chấp tại đây làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho Ông Bà để trừ nợ; mặt khác, *Giấy bán đất* ghi đây là tiền cọc, nếu việc mua bán không thực hiện được thì ông H phải trả lại số tiền này và thực tế việc mua bán không thực hiện nên đây là tiền vay. Nay, ông T, bà L khởi kiện yêu cầu ông H, bà C liên đới trả 3.063.187.000 đồng (gồm 2.635.000.000đ tiền gốc, 428.187.000đ tiền lãi).

***** *Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Thừa nhận có mượn ông T, bà L 100.000.000 đồng theo *Giấy mượn tiền* ngày 25/9/2015 (AL) và 100.000.000 đồng theo *Giấy mượn tiền* ngày 24/12/2016 (AL), tổng cộng mượn 200.000.000 đồng, nhưng con trai ông H là Nguyễn Phi H1 đã chuyển khoản trả ông T, bà L 150.000.000 đồng.

Đối với *Giấy mượn tiền* ngày 27/6/2016 mượn 1.420.000.000 đồng (có chữ ký và chữ viết của ông H và anh H1) và các *Giấy mượn tiền* ngày 12/7/2019 mượn 390.000.000 đồng, *Giấy mượn tiền* ngày 14/8/2020 mượn 125.000.000 đồng (có chữ ký, chữ viết của ông H) là những Giấy ông H viết sai, bỏ đi để viết lại Giấy khác, nhưng vợ chồng bà L lại dùng những Giấy này để đòi nợ.

Ngoài ra, ngày 14/8/2020, ông H thỏa thuận bán đất cho bà L nên ông H viết *Giấy bán đất* nhận cọc của bà L 500.000.000 đồng, việc mua bán đất không thực hiện được hoàn toàn do lỗi của bà L nên ông H không đồng ý trả lại bà L số tiền này.

***** *Bị đơn bà Trần Thị C trình bày:* Thừa nhận cùng ông H mượn ông T, bà L 200.000.000 đồng theo *Giấy mượn tiền* ngày 25/9/2015 (AL) mượn 100.000.000 đồng và *Giấy mượn tiền* ngày 24/12/2016 (AL), mượn 100.000.000 đồng, nhưng đã trả đủ; số tiền còn lại theo các *Giấy mượn tiền* ông T, bà L xuất trình để kiện đòi thì ông H có vay hay không và vay làm gì thì bà C không biết.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phi H1 (con ông H, bà C) trình bày:* Cha mẹ nhờ nên anh H1 đã chuyển khoản trả ông T, bà L 150.000.000 đồng. Đối với *Giấy mượn tiền* ngày 27/6/2016 (AL) ghi mượn 1.420.000.000 đồng, ông H ký mượn tiền, còn anh H1 chỉ ký với tư cách bảo lãnh, nhưng thực tế cha con anh không được nhận số tiền này.

***** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 13/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị L. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị C liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị L số tiền 3.063.187.000 đồng (ba tỷ không trăm sáu mươi ba triệu một trăm tám bảy ngìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 2.635.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm ba mươi năm triệu không trăm đồng), tiền lãi là 428.187.000 đồng (bốn trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 23/6/2022, ông H, bà C kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 197/2022/DS-PT ngày 08/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị C, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về số tiền nợ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị L, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị L 2.883.937.000 đồng (2.485.000.000 đồng tiền gốc và 398.937.000 đồng tiền lãi).

Bản án phúc thẩm còn có quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án.

Ngày 25/9/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được Đơn của ông H, bà C đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 32/2024/KN-DS ngày 26/8/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 197/2022/DS-PT ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, sửa một phần bản án dân sự phúc thẩm theo hướng: - Buộc vợ chồng ông H, bà C liên đới trả vợ chồng ông T, bà L 58.107.500 đồng (trong đó 50.000.000 đồng tiền gốc và 8.107.500 đồng tiền lãi); - Buộc mình ông H trả vợ chồng ông T, bà L 2.829.835.000 đồng (trong đó 2.435.000.000 đồng tiền gốc và 394.835.000 đồng tiền lãi).

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2024/KN-DS ngày 26/8/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Giấy*** đề ngày 25/9/2015, nội dung mượn vợ chồng ông T, bà L 100.000.000 đồng, M người mượn có 2 chữ ký dưới ghi tên *"Trần Thị C"* và *"Nguyễn Thanh H"* (bút lục 30). ***Giấy mượn tiền*** đề ngày 24/12/2016 (AL), nội dung mượn ông T, bà L 100.000.000 đồng, M người mượn có chữ ký dưới ghi tên *"Trần Thị C"* và *"Nguyễn Thanh H"* (bút lục 29). ***Giấy mượn tiền*** đề ngày 27/6/2018, nội dung mượn ông T, bà L 1.420.000.000 đồng để *"giải quyết việc gia đình"*, N mượn ký ghi tên *"Nguyễn Thanh H"*, Người bảo lãnh ký ghi tên *"Nguyễn Phi H1"* (bút lục 33). ***Giấy mượn tiền*** đề ngày 12/7/2019, nội dung mượn 390.000.000 đồng để *"Giải*

quyết việc gia đình"; Người mượn tiền ký ghi tên *"Nguyễn Thanh H"* (bút lục 31). ***Giấy mượn tiền*** đề ngày 14/8/2020, nội dung mượn 125.000.000 đồng, lý do mượn *"Có công việc"*; Người mượn tiền ký ghi tên *'Nguyễn Thanh H"* (bút lục 32). ***Giấy bán đất*** đề ngày 14/8/2020, nội dung ông H, bà C bán cho ông T, bà L thửa đất giá 2,2 tỷ đồng, đã nhận cọc 500.000.000 đồng; đoạn tiếp của Giấy đề ngày 13/9/2020 ghi *"Tôi hẹn tuần tới tôi sẽ gửi lại cho anh chị L. Nếu không bán được đất tôi sẽ gởi lại cho chị L 500.000.000 đồng"* (bút lục 28). ***Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*** (không đề ngày, tháng, năm - bút lục 27), nội dung ông H, bà C chuyển nhượng cho ông T, bà L thửa đất số 596, tờ bản đồ số 8, diện tích 315m^2, địa chỉ thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Ông T, bà L xuất trình các tài liệu trên để yêu cầu ông H, bà C liên đới trả tổng số tiền mượn 2.635.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thừa nhận đã nhận 150.000.000 đồng do anh H1 con ông H, bà C chuyển khoản trả nên yêu cầu ông H, bà C liên đới trả 2.485.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là 398.937.000 đồng, tổng cộng yêu cầu trả 2.883.937.000 đồng.

[2] Bà C chỉ thừa nhận cùng ông H mượn ông T, bà L 200.000.000 đồng theo ***Giấy*** đề ngày 25/9/2015 và ***Giấy mượn tiền*** đề ngày 24/12/2016 (AL) có chữ ký của bà C (tại phiên tòa phúc thẩm bà C thừa nhận mới trả 150.000.000 đồng nhờ anh H1 chuyển khoản, còn nợ 50.000.000 đồng); số tiền còn lại theo các *Giấy mượn tiền* mà ông T, bà L xuất trình để đòi nợ thì ông H có vay hay không và vay làm gì, bà C không biết nên không đồng ý liên đới cùng ông H trả nợ ông T, bà L. Ông H thống nhất với trình bày của bà C; đối với *Giấy mượn tiền* đề ngày 27/6/2016, ghi mượn 1.420.000.000 đồng (có chữ ký và chữ viết của ông H, anh H1) và các *Giấy mượn tiền* đề ngày 12/7/2019 ghi mượn 390.000.000 đồng, *Giấy mượn tiền* đề ngày 14/8/2020 ghi mượn 125.000.000 đồng (có chữ ký, chữ viết của ông H), ông H cho rằng đây là những Giấy ông H viết sai, bỏ đi viết lại Giấy khác, nhưng bị bà L sử dụng để đòi tiền; đối với *Giấy bán đất* đề ngày 14/8/2020 ghi ông H nhận cọc 500.000.000 đồng để bán đất, nhưng việc mua bán đất không thành hoàn toàn do lỗi của bà L nên ông H không đồng ý trả lại số tiền này.

[3] Xét, bà C và ông H thừa nhận có mượn ông T, bà L 200.000.000 đồng theo ***Giấy*** đề ngày 25/9/2015 và ***Giấy mượn tiền*** đề ngày 24/12/2016 (AL) nên Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định ông H, bà C có trách nhiệm liên đới đối với khoản tiền mượn theo 2 Giấy này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 27quy định: *"Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới trong những trường hợp sau đây: "a) Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện giữa vợ chồng trong các trường hợp sau: - Trường hợp xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch mà theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng; - Trường hợp vợ chồng kinh doanh chung; - Trường hợp đại diện giữa vợ và chồng trong việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản chung có giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng tài sản chỉ ghi tên vợ hoặc chồng".* ***Giấy mượn***

tiền đề ngày 27/6/2018 ghi ông H và anh H1 có mượn 1.420.000.000 đồng để *"giải quyết việc gia đình"*, N mượn ký ghi tên *"Nguyễn Thanh H",* Người bảo lãnh ký ghi tên *"Nguyễn Phi H1"* (bút lục 33); ***Giấy mượn tiền*** đề ngày 12/7/2019 ghi ông H mượn 390.000.000 đồng để *"Giải quyết việc gia đình"*, N mượn tiền ký ghi tên *"Nguyễn Thanh H"* (bút lục 31); ***Giấy mượn tiền*** đề ngày 14/8/2020 ghi ông H và bà C có mượn 125.000.000 đồng, lý do mượn *"Có công việc"*, Người mượn tiền ký ghi tên *'Nguyễn Thanh H"* (bút lục 32). Xét, các Giấy mượn tiền này không có chữ ký của C, bà C cho rằng việc ông H có vay tiền ông T, bà L theo các Giấy mượn tiền hay không và vay làm gì thì bà C không biết; trong khi, ông T, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H vay tiền của ông T, bà L nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc ông H đại diện cho cả bà C khi vay tiền, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã xác định bà C có nghĩa vụ liên đới cùng ông H trả các khoản tiền này là chưa đủ cơ sở.

[5] Đối với khoản tiền 500.000.000 đồng ông T, bà L yêu cầu ông H, bà C trả theo ***Giấy bán đất*** đề ngày 14/8/2020 (bút lục 28) ghi ông H, bà C bán cho ông T, bà L thửa đất giá 2,2 tỷ đồng, đã nhận cọc 500.000.000 đồng, đoạn sau của Giấy ghi:*"Ngày 13/9/2020: Tôi hẹn tuần tới tôi sẽ gửi lại cho anh chị L. Nếu không bán được đất tôi sẽ gởi lại cho chị L 500.000.000 đồng"*; xét thấy, nội dung Giấy bán đất không rõ là ông H nhận cọc bán đất cho ông T, bà L hay ông H bán đất cho người khác, mặt khác tại ***Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*** (không đề ngày, tháng, năm) bên bán ký, dưới ghi tên *"Nguyễn Thanh H"*, bên mua ký, dưới ghi tên *"Võ Thị L"* và ghi tên *"Nguyễn Văn T"* nội dung ông H, bà C chuyển nhượng cho ông T, bà L thửa đất số 596, tờ bản đồ số 8, diện tích 315m^2, địa chỉ thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (bút lục 27), ông H không đồng ý trả khoản tiền này vì cho rằng đây là tiền ông T, bà L đặt cọc mua đất, nhưng không mua nên mất cọc; Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ khoản tiền này là tiền mượn hay tiền cọc, nếu là tiền cọc thì phải xét tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo quy định của pháp luật, nhưng đã xác định là tiền mượn để buộc trả và buộc ông H, bà C liên đới trả nợ khi chỉ mình ông H ký là chưa đủ cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2024/KN-DS ngày 26/8/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 197/2022/DS-PT ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa nguyên đơn là vợ chồng ông

Nguyễn Văn T, bà Võ Thị L với bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị C.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P, tỉnh Bình Định (kèm hồ sơ vụ án để xét xử sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Giám đốc kiểm tra II và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân